

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo Quyết định số/QĐ-ĐHTN ngày ... tháng ... năm 2023 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên)*

Tên chương trình: Giáo dục Mầm non

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Giáo dục Mầm non

Hình thức đào tạo: Chính qui

Mã ngành: 7140201

Tên gọi văn bằng: Cử nhân

Thời gian đào tạo: 4 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân giáo dục mầm non có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có kiến thức cơ bản, chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng; có năng lực tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ tại cơ sở giáo dục mầm non; giảng dạy tại các cơ sở đào tạo giáo viên mầm non; làm chuyên viên giáo dục mầm non tại cơ quan quản lý giáo dục; tự học, tham gia học tập ở các chương trình đào tạo sau đại học trong và ngoài nước; có năng lực ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Về kiến thức

M1: Vận dụng được hệ thống tri thức nền tảng của khoa học Mác-Lênin; tư tưởng, đạo đức và giá trị văn hóa Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; kiến thức giáo dục quốc phòng an ninh trong hoạt động nghề nghiệp và cuộc sống.

M2: Vận dụng kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên – xã hội – nghệ thuật vào trong học tập, công việc và các hoạt động xã hội khác.

M3: Vận dụng được kiến thức cơ bản, toàn diện, chuyên sâu về tâm lý học mầm non, giáo dục học mầm non, lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục trẻ vào lập kế hoạch, tổ chức, giám sát các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục phát triển toàn diện trẻ tại cơ sở giáo dục mầm non, trung tâm giáo dục trẻ có nhu cầu đặc biệt.

M4: Nắm vững hệ thống kiến thức lý luận và phương pháp giáo dục của ngành giáo dục mầm non như lý luận và phương pháp phát triển ngôn ngữ, phát triển thể chất, phát triển thẩm mỹ, phát triển tình cảm...kiến thức nghiệp vụ sư phạm mầm non để thực hiện tốt công tác chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non.

M5. Trang bị kiến thức về tổ chức hoạt động giáo dục , giáo dục hòa nhập, giáo dục môi trường, kiến thức về vệ sinh dinh dưỡng, phòng tránh tai nạn đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non.

1.2.2. Về kỹ năng, thái độ

M6: Có kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức hoạt động chăm sóc, giáo dục và đánh giá sự phát triển của trẻ, năng lực quản lý nhóm lớp; năng lực tư vấn, tham vấn giáo dục mầm non; năng lực nghiên cứu khoa học và phát triển chương trình giáo dục mầm non.

M7:Có kỹ năng tự học, trải nghiệm và thích ứng nghề nghiệp; năng lực làm việc độc lập và làm việc theo nhóm trong điều kiện thay đổi; giám sát và hướng dẫn người khác cùng thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

M8: Có kỹ năng giao tiếp, xây dựng các mối quan hệ hợp tác với đồng nghiệp, cấp trên, cha mẹ hoặc người giám hộ trẻ và cộng đồng để nâng cao chất lượng hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ và bảo vệ quyền trẻ em.

M9: Có kỹ năng sử dụng tiếng Anh, tin học ứng dụng thành thạo để giải quyết các yêu cầu công việc.

1.2.3. Trình độ ngoại ngữ, tin học

M10: Có năng lực Tiếng Anh tương đương bậc 3 trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

M11: Có chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản hoặc các văn bằng, chứng chỉ tương đương trở lên.

2. Vị trí làm việc sau tốt nghiệp

- Làm giáo viên mầm non ở các cơ sở giáo dục mầm non và các trường đào tạo giáo viên mầm non

- Cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục mầm non ; Chuyên viên trong các cơ quan, tổ chức có liên quan đến bậc học mầm non.

3. Chuẩn đầu ra

3.1. Kiến thức

+ *Kiến thức chung*

C1: Lý luận chính trị:

- Hiểu và vận dụng linh hoạt tri thức khoa học Mác-Lênin; tư tưởng, đạo đức, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam vào hoạt động nghề nghiệp và cuộc sống.

- Chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước.

- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân, tích cực tham gia các hoạt động vì cộng đồng

C2. Khoa học tự nhiên, kinh tế, xã hội

- Vận dụng linh hoạt kiến thức khoa học tự nhiên, xã hội vào quá trình giáo dục

- Đánh giá được về điều kiện kinh tế, tự nhiên, văn hóa xã hội địa phương

C3: Kiến thức ngoại ngữ, tin học:

Có năng lực Tiếng Anh tương đương bậc 3 trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

Có chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản hoặc các văn bằng, chứng chỉ tương đương trở lên

C4: Giáo dục Quốc phòng, Giáo dục thể chất

- Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng an ninh

- Đã hoàn thành học phần Giáo dục thể chất

+ *Kiến thức chuyên môn*

C5. Hiểu và có thể vận dụng linh hoạt kiến thức lĩnh vực khoa học xã hội- Nghệ thuật- tự nhiên và kiến thức khoa học có liên quan vào quá trình chăm sóc giáo dục trẻ.

Hiểu được đặc điểm tâm, sinh lý của trẻ mầm non và có khả năng vận dụng một cách hiệu quả và quá trình chăm sóc giáo dục trẻ.

Tổ chức hoạt động vui chơi và giao tiếp ứng xử với trẻ, phụ huynh học sinh một cách thân thiện.

Thực hiện được các hoạt động vệ sinh lớp học, vệ sinh cho trẻ, và chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ theo lứa tuổi.

Thực hiện được các biện pháp phòng bệnh ban đầu cho trẻ và giám sát an toàn thực phẩm

C6. Hiểu và đánh giá được các mô hình, chương trình giáo dục mầm non

Tổ chức thực hiện và phát triển chương trình giáo dục mầm non: xác định mục tiêu, lập kế hoạch giáo dục, thực hiện kế hoạch giáo dục, đánh giá và điều chỉnh chương trình giáo dục mầm non.

Vận dụng sáng tạo kiến thức về nghệ thuật (múa, hát nhạc, tạo hình) vào quá trình chăm sóc giáo dục trẻ mầm non.

Vận dụng các lý thuyết khoa học về văn học, ngôn ngữ, toán học vào chăm sóc giáo dục trẻ mầm non.

Xây dựng được môi trường giáo dục phù hợp để thực hiện công tác chăm sóc giáo dục trẻ hiệu quả.

Có khả năng lựa chọn nội dung, hình thức, phương pháp giáo dục phù hợp với sự phát triển và nhu cầu hứng thú của trẻ.

Tổ chức và quản lý nhóm, lớp học hiệu quả.

Có năng lực nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non (xác định vấn đề, thực hiện nghiên cứu giáo dục, công bố kết quả nghiên cứu giáo dục mầm non).

3.2. Kỹ năng

+ Kỹ năng chung

C7. Có kỹ năng giao tiếp hiệu quả bằng phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ

Có kỹ năng duy trì và thiết lập quan hệ tốt với học sinh, phụ huynh học sinh, đồng nghiệp và cộng đồng.

Có kỹ năng tự đánh giá, tự học tập để hoàn thiện bản thân.

Có kỹ năng phân tích, đánh giá thông tin hình thành ý tưởng

Có kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề một cách hiệu quả, sáng tạo

Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin trong giáo dục mầm non

Có các kỹ năng mềm và biết xây dựng, tổ chức thực hiện hoạt động khởi nghiệp.

+ Kỹ năng chuyên môn

C8. Nhận diện đặc điểm nhu cầu của trẻ mầm non

Kỹ năng lập kế hoạch chăm sóc -giáo dục trẻ dựa trên khung chương trình giáo dục mầm non

Tổ chức thực hiện hoạt động chăm sóc – giáo dục trẻ mầm non đúng theo chương trình giáo dục mầm non

C9. Đánh giá sự phát triển của trẻ mầm non một cách khách quan, chính xác, công bằng.

Có kỹ năng xử lý các tình huống giáo dục đặc biệt nảy sinh trong quá trình chăm sóc – giáo dục trẻ

Có kỹ năng tư vấn, tham vấn cho phụ huynh học sinh và cộng đồng về chăm sóc giáo dục trẻ mầm non

Thực hiện được công tác chủ nhiệm lớp

Có nghiệp vụ quản lý nhà trường mầm non

3.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

C10. Yêu thương học sinh, có niềm tin vào học sinh

Yêu nghề và tự hào về nghề dạy học

Nhận thức và hành động theo lẽ phải, sẵn sàng đấu tranh bảo vệ lẽ phải

Chia sẻ kinh nghiệm với đồng nghiệp, tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng

Có trách nhiệm với bản thân, gia đình, xã hội

Tích cực tìm tòi sáng tạo trong hoạt động nghề nghiệp, có ý chí học tập vươn lên.

C11. Có khả năng tiếp tục học tập ở bậc học cao hơn ở trong nước và ngoài nước thuộc lĩnh vực Giáo dục mầm non hoặc lĩnh vực có liên quan.

4. Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐ T	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo										
	Kiến thức chung				Kiến thức chuyên môn		Kỹ năng chung	Kỹ năng chuyên môn	Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11
M1	x			x					x	x	x
M2		x	x						x		
M3					x	x	x	x		x	x
M4					x	x		x	x	x	x

M5					X	X	X	X		X	X
M6					X	X	X	X	X	X	X
M7					X	X	X	X		X	X
M8					X		X	X	X		
M9			X				X			X	X
M10										X	X
M11				X	X	X				X	X

5. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 131TC (Chưa kể nội dung Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng)

- Kiến thức giáo dục đại cương: (40TC)

- Kiến thức cơ sở ngành (37TC)

- Kiến thức ngành (54TC)

6. Đối tượng tuyển sinh và phương thức tuyển sinh

- Đối tượng tuyển sinh: Theo qui định của Bộ Giáo dục & Đào tạo và theo qui chế tuyển sinh của Trường Đại học Tây Nguyên.

- Phương thức tuyển sinh: Theo đề án tuyển sinh của Trường Đại học Tây Nguyên.

7. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Áp dụng “Qui chế đào tạo đại học theo tín chỉ” ban hành kèm theo Quyết định số 1574/QĐ – ĐHTN ngày 24/8/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên.

8. Cách thức đánh giá

Áp dụng “Qui chế đào tạo đại học theo tín chỉ” ban hành kèm theo Quyết định số 1574/QĐ – ĐHTN ngày 24/8/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên.

9. Nội dung chương trình

9.1. Kiến thức giáo dục đại cương: (40TC)

Stt	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	LT	TH	BB	TC	Mã HP tiên quyết
1	ML211030	Triết học Mác - Lênin	3	3	0	3	0	

Stt	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	LT	TH	BB	TC	Mã HP tiên quyết
2	ML211031	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0	2	0	ML211030
3	ML211032	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	2	0	ML211031
4	ML211002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1.5	0.5	2	0	ML211032
5	ML211033	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	1,4	0,6	2	0	ML211002
6	SP211005	Quản lý Hành chính nhà nước & Quản lý Giáo dục – Đào tạo	1	1	0	1		
7	SP211006	Xã hội học đại cương	2	2	0	2		
8	SP211400	Địa lí Việt Nam đại cương	2	2	0	2		
9	SP211007	Lịch sử Việt Nam đại cương	2	2	0	0	2	
10	SP211018	Đại cương văn hóa các Dân tộc thiểu số Tây nguyên	2	1,5	0,5	0		
11	SP211009	Nhân học đại cương	2	2	0	0		
12	FL211011	Tiếng Anh 1	3	3	0	3		
13	FL211012	Tiếng Anh 2	3	3	0	3		FL211011
14	FL211013	Tiếng Anh 3	3	3	0	3		FL211012
15	FL211014	Tiếng Anh 4	3	3	0	3		FL211013
16	SP211014	Tâm lí học đại cương	2	2	0	2		
17	KC211027	Tin học đại cương	2	1	1	2		
18	KT213007	Khởi nghiệp	2	1,5	0,5	2		
19	KT212202	Kĩ năng mềm	2	2	0	2		
20	SP212507	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	2	2	0	2		
Tổng:			40	37.4	2.6	38	2	

Nhóm học phần thay thế các học phần Tiếng Anh 1, Tiếng Anh 2, Tiếng Anh 3 ,Tiếng Anh 4 đối với sinh viên nước ngoài:

Stt	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	LT	TH	BB	TC	Mã HP tiên quyết/ HP học trước
16	SP211101	Ngữ âm tiếng Việt	3	3	0	3		
17	SP211102	Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt	3	2	0	3		SP211101
18	SP211103	Ngữ pháp tiếng Việt	3	3	0	3		SP211102
19	SP211104	Phong cách học tiếng Việt	3	3	0	3		SP211103
Tổng cộng			12	12	0	12	0	

9. 2. Kiến thức giáo dục thể chất: (3TC)

Stt	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	Số TC LT	Số TC TH	BB	TC	Mã HP tiên quyết
21	Đối với SV có sức khỏe hạn chế học học phần Cờ vua 1 (SP211039)							
	SP211032	Thể dục cơ bản và Điền kinh	1	0	1	1	0	
	SP211039	Cờ vua 1	1	0	1	1	0	
22	SV chọn 1 trong 5 học phần sau, đối với sinh viên sức khỏe hạn chế được chọn HP Cờ vua 2							
	SP211033	Bóng chuyền cơ bản						SP211032
	SP211034	Bơi lội cơ bản						
	SP211035	Cầu lông cơ bản						
	SP211042	Bóng bàn cơ bản						

	SP211040	Cờ vua 2						SP211039
23	SV chọn 1 trong 5 học phần sau, đối với sinh viên sức khỏe hạn chế được chọn HP Cờ vua 3							
	SP211036	Thể dục nhịp điệu cơ bản						
	SP211037	Teakwondo cơ bản						
	SP211038	Bóng đá cơ bản						
	SP211043	Bóng rổ cơ bản						
	SP211041	Cờ vua 3						SP211040
Tổng			3	0	3	1	2	

9. 3. Kiến thức Giáo dục quốc phòng: (8TC)

Stt	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	LT	TH	BB	TC	Mã HP tiên quyết
24	QP211011	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	3	0	3	0	
25	QP211006	Công tác quốc phòng - An ninh	2	2	0	2	0	
26	QP211012	Quân sự chung	1	0.7	0.3	1	0	
27	QP211013	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	0	2	2	0	
Tổng:			8	5,7	2.3	8	0	

Nhóm học phần thay thế nhóm học phần Giáo dục quốc phòng đối với sinh viên nước ngoài

Stt	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	LT	TH	BB	TC	Mã HP tiên quyết/ HP học trước
-----	-------	--------------	------------	----	----	----	----	--------------------------------

Stt	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	LT	TH	BB	TC	Mã HP tiên quyết/ HP học trước
36	SP211103	Tiếng Việt nâng cao	2	2	0	2		
37	SP211106	Văn hóa Việt Nam	3	3	0	3		
38	SP211107	Lịch sử Việt Nam	3	3	0	3		
Tổng cộng			8	8	0	8	0	

9.4. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

9.4.1. Kiến thức cơ sở ngành (37TC)

Stt	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	LT	TH	BB	TC	Mã HP tiên quyết
28	SP211029	Sinh lí học trẻ em	3	3	0	3		
29	SP212301	Vệ sinh trẻ em và dinh dưỡng trẻ em	2	2	0	2		
30	YD212309	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ	2	2	0	2		
31	SP212402	Văn học trẻ em	2	2	0	2		
32	SP212411	Toán học cơ sở	2	2	0	2		
34	SP212412	Tạo hình cơ bản	3	2	1	2		
35	SP212410	Âm nhạc cơ bản	2	1	1	2		
36	SP212409	Múa cơ bản	2	1	1	2		
37	SP212002	Giao tiếp sư phạm ở trường mầm non	2	2	0	2		
38	SP213424	Kể chuyện cho trẻ	2	1	1	2		
40	SP211030	Tâm lí học trẻ em	2	2	0	2		
41	SP211026	Giáo dục học mầm non	3	3	0	3		

Stt	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	LT	TH	BB	TC	Mã HP tiên quyết
42	SP213413	Tâm lí học gia đình	2	2	0	2		
43	SP213412	Ứng dụng tin học trong Giáo dục mầm non	2	1	1	2		
44	SP212003	Giáo dục kĩ năng sống	2	2	0	0		
45	SP213040	Tổ chức hoạt động vui chơi ở trường Mầm non	2	1	1	2		
46	SP213046	Nghề giáo viên mầm non	2	2	0	2		
Tổng			37	31	6	37		

9.4.2. Kiến thức ngành (53TC)

Stt	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	LT	TH	BB	TC	Mã HP tiên quyết
46	SP213026	Quản lí trong giáo dục mầm non	2	2	0	2		
47	SP213025	Lí luận và phương pháp dạy múa ở trường mầm non	3	2	1	3		SP212409
48	SP213416	Lí luận và phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ em	2	1	1	2		SP212410
49	SP213417	Phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học	2	1	1	2		
50	SP213418	Lí luận và phương pháp hình thành biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ	2	1	1	2		SP212411
51	SP213452	Lí luận và phương pháp hướng dẫn trẻ làm quen môi trường xung quanh	3	2	1	3		
52	SP213453	Lí luận và phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ em	3	2	1	3		SP212401

Stt	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	LT	TH	BB	TC	Mã HP tiên quyết
53	SP213421	Lí luận và phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ em	2	1	1	2		
54	SP213422	Lí luận và Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ em	2	1	1	2		
55	SP213011	Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non	2	2	0	2		
56	SP213411	Tổ chức các hoạt động giáo dục ở trường Mầm non	2	1	1	2		SP211026
57	SP213042	Giáo dục hòa nhập	2	2	0	2		SP211026
58	SP213414	Phương pháp đọc diễn cảm	2	1.5	0.5	0	2	
59	SP213222	Tổ chức và quản lí trường mầm non	2	2	0	0		
60	SP213043	Giáo dục môi trường ở trường mầm non	2	2	0	0		
61	SP213041	Hát và đàn Organ	2	1	1			
62	SP213044	Trò chơi với sự hình thành biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ mẫu giáo	2	2	0		2	
63	SP213045	Ứng dụng kĩ họa và cách điệu trong giáo dục mầm non	2	2	0			
64	SP213027	Trò chơi dân gian với việc cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh	2	2	0		2	
65	SP213429	Vệ sinh an toàn thực phẩm	2	2	0			
67	SP213028	Phương pháp dạy trẻ làm quen với chữ viết	2	2	0	0		
68	SP213008	Chương trình và quản lí Chương trình	2	2	0	0		

Stt	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	LT	TH	BB	TC	Mã HP tiên quyết
		mầm non					2	
69	SP213047	Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non	2	2	0	0		
70	SP213221	Thực tế chuyên môn	1	0	1	1		
71	SP213552	Thực hành kỹ năng sư phạm mầm non 1	2	0	2	2		
72	SP213553	Thực hành kỹ năng sư phạm mầm non 2	2	0	2	2		
73	SP213502	Kiểm tập sư phạm	2	0	2	2		
74	SP213503	Thực tập sư phạm	5	0	5	5		
75	SP215020	Khóa luận tốt nghiệp (đủ điều kiện)	7	0	7	7		
76	SP215021	Chuyên đề tốt nghiệp (không đủ điều kiện)	3	0	3	3		
77	SP215022	Tổ chức hoạt động âm nhạc ở trường mầm non	2	2	0		2	
78	SP215023	Phát triển tính sáng tạo của trẻ trong hoạt động tạo hình	2	2	0			
79	SP215024	Phương pháp dạy múa cho trẻ	2	2	0			
80	SP215025	Phương pháp đánh giá trẻ trong đổi mới Giáo dục mầm non	2	2	0		2	
81	SP215026	Tư duy Toán học ở mầm non	2	2	0			
82	SP215027	Giáo dục tích hợp ở bậc học mầm non	2	2	0			
Tổng:			54	25	29	46	8	

10. Kế hoạch giảng dạy

Stt	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	BB	TC
1	SP211400	Địa lí Việt Nam đại cương	2	2	
2	SP211006	Xã hội học đại cương	2	2	
3	SP212411	Toán học cơ sở	2	2	
4	FL211011	Tiếng Anh 1	3	3	
5	SP211032	Thế dục cơ bản và Điền kinh	1	0	1
6	SP211039	Cờ vua 1	1	0	
7	SP212409	Múa cơ bản	2	2	
8	SP213424	Kể chuyện cho trẻ	2	2	
9	SP211007	Lịch sử Việt Nam đại cương	2	0	2
10	SP211018	Đại cương văn hóa các DTTS Tây nguyên	2	0	
11	SP211009	Nhân học đại cương	2	0	
TỔNG HỌC KÌ 1			16	13	3
1	ML211030	Triết học Mác - Lênin	3	3	
2	FL211012	Tiếng Anh 2	3	3	
3	KC211027	Tin học đại cương	2	2	
4	SP211033	Bóng chuyền cơ bản	1	0	1
5	SP211034	Bơi lội cơ bản	1	0	
6	SP211035	Cầu lông cơ bản	1	0	
7	SP211042	Bóng bàn cơ bản	1	0	
8	SP211040	Cờ vua 2	1	0	
9	SP212412	Tạo hình cơ bản	3	3	
10	KT212202	Kỹ năng mềm	2	2	
11	SP211014	Tâm lí học đại cương	2	2	

Stt	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	BB	TC
12	SP212410	Âm nhạc cơ bản	2	2	
TỔNG HỌC KÌ 2			18	17	1
1	FL211013	Tiếng Anh 3	3	3	
2	ML211031	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	
3	SP211036	Thể dục nhịp điệu cơ bản	1	0	1
4	SP211037	Teakwondo cơ bản	1	0	
5	SP211038	Bóng đá cơ bản	1	0	
6	SP211043	Bóng rổ cơ bản	1	0	
7	SP211041	Cờ vua 3	1	0	
8	QP211011	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng CSVN	3	3	
9	QP211006	Công tác quốc phòng – An ninh	2	2	
10	QP211012	Quân sự chung	1	1	
11	QP211013	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	2	
12	SP211030	Tâm lý học trẻ em	2	2	
13	SP212301	Vệ sinh trẻ em và dinh dưỡng trẻ em	2	2	
14	SP211026	Giáo dục học mầm non	3	3	
TỔNG HỌC KÌ 3			21	20	1
1	FL211014	Tiếng Anh 4	3	3	
2	SP213412	Ứng dụng tin học trong GDMN	2	2	
3	YD212309	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ	2	2	
4	SP212402	Văn học trẻ em	2	2	
5	SP213552	Thực hành kỹ năng sư phạm mầm non 1	2	2	
6	ML211032	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	

Stt	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	BB	TC
7	SP211029	Sinh lí học trẻ em	3	3	
8	SP213221	Thực tế chuyên môn	1	1	
9	SP212002	Giao tiếp sư phạm ở trường mầm non	2	2	
TỔNG HỌC KÌ 4			19	19	0
1	SP213040	Tổ chức các hoạt động vui chơi ở trường MN	2	2	
2	SP213422	Lí luận và phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ em	2	2	
3	KT213007	Khởi nghiệp	2	2	
4	SP213026	Quản lí trong giáo dục mầm non	2	0	
5	SP212507	PP nghiên cứu khoa học giáo dục	2	2	
6	SP213502	Kiến tập sư phạm	2	2	
7	ML211002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	
8	SP213417	PP cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học	2	2	
9	SP212003	Giáo dục Kỹ năng sống	2	0	
TỔNG HỌC KÌ 5			18	18	0
1	SP213452	Lí luận và phương pháp hướng dẫn trẻ làm quen với môi trường XQ	3	3	
2	SP213416	Lí luận và phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ em	2	2	
3	SP213418	Lí luận và PP hình thành biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ	2	2	
4	SP213414	Phương pháp đọc diễn cảm	2	0	2
5	SP213222	Tổ chức và quản lí trường mầm non	2	0	

Stt	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	BB	TC
6	SP213043	Giáo dục môi trường ở trường mầm non	2	0	
7	SP213041	Hát và đàn Organ	2	2	2
8	SP213044	Trò chơi với sự hình thành biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ mẫu giáo	2	0	
9	SP213045	Ứng dụng kí họa và cách điệu trong giáo dục mầm non	2	0	
10	ML211033	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	
11	SP213025	Lí luận và PP dạy múa ở trường mầm non	3	3	
12	SP213046	Nghề giáo viên mầm non	2	2	
TỔNG HỌC KÌ 6			18	14	4
1	SP213453	Lí luận và PP tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ em	3	3	
2	SP213421	Lí luận và PP phát triển ngôn ngữ cho trẻ em	2	2	
3	SP213411	Tổ chức các hoạt động GD ở trường MN	2	2	
4	SP211005	Quản lí HCNN& Quản lí GD - ĐT	1	1	
5	SP213413	Tâm lí học gia đình	2	2	
6	SP213042	Giáo dục hòa nhập	2	2	
7	SP213027	Trò chơi dân gian với việc cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh	2	0	2
8	SP213429	Vệ sinh an toàn thực phẩm	2	0	
9	SP213028	PP dạy trẻ làm quen với chữ viết	2	0	2
10	SP213008	Chương trình và quản lí CT MN	2	0	
11	SP213047	PT tình cảm và kĩ năng XH cho trẻ mầm	2	0	

Stt	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	BB	TC
		non			
12	SP213011	Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non	2	2	
13	SP213553	Thực hành kỹ năng sư phạm mầm non 2	2	2	
TỔNG HỌC KÌ 7			20	16	4
1	SP213503	Thực tập sư phạm	5	5	
2	SP215020	Khóa luận tốt nghiệp (đủ điều kiện)	7	7	
3	SP215021	Chuyên đề tốt nghiệp(không đủ điều kiện làm KLTN)	3	3	
4	SP215022	Tổ chức hoạt động âm nhạc ở trường mầm non	2		2
5	SP215023	Phát triển tính sáng tạo của trẻ trong hoạt động tạo hình	2		
6	SP215024	Phương pháp dạy múa cho trẻ	2		
7	SP215025	PP đánh giá trẻ trong đổi mới GDMN	2		2
8	SP215026	Tư duy Toán học ở MN	2		
9	SP215027	Giáo dục tích hợp ở bậc học mầm non	2		
TỔNG HỌC KÌ 8			12	12	0

11. Ma trận quan hệ giữa các học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

TT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo										
		C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11
1	Triết học Mác - Lênin	3						1			1	1
2	Kinh tế chính trị	3						1			1	

	Mác - Lênin											
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	3						1			1	
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	3						1			1	
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3						1			1	
6	Quản lí HCNN& Quản lí GD - ĐT		2									1
7	Xã hội học đại cương		2					1			1	
8	Địa lí Việt Nam đại cương		2								1	
9	Tâm lí học trẻ em		3					2			1	1
10	Tâm lí học đại cương		3					1		1	1	1
11	Giáo dục học mầm non		3					2			1	1
12	Lịch sử Việt Nam đại cương		2					1			1	
13	Đại cương văn hóa các dân tộc TN		2					1			1	
14	Nhân học đại cương		2					1				
15	Tiếng Anh 1			3				1				2
16	Tiếng Anh 2			3				1				2
17	Tiếng Anh 3			3				1				2

18	Tiếng Anh 4			3			1				2
19	Tin học đại cương			3		2	2				1
20	PP nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non						3			1	2
21	Khởi nghiệp		2				1			2	1
22	Kỹ năng mềm		2		1		1			1	
23	Thể dục cơ bản và Điền kinh				3		1				
24	Cờ vua 1				3		1				
25	Bóng chuyền cơ bản				3		1				
26	Bơi lội cơ bản				3		1				
27	Cầu lông cơ bản				3						
28	Bóng bàn cơ bản				3		1				
29	Cờ vua 2				3		1				
30	Thể dục nhịp điệu cơ bản				3		1				
31	Teakwondo cơ bản				3		1				
32	Bóng đá cơ bản				3		1				
33	Bóng rổ cơ bản				3		1				
34	Cờ vua 3				3		1				
35	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	1			3						

36	Công tác quốc phòng - An ninh	1			3							
37	Hiểu biết chung về quân, binh chủng.	1			3							
38	Quân sự chung, chiến thuật, kỹ thuật bắn súng ngắn (hoặc tiểu liên AK) và sử dụng lựu đạn.	1			3							
39	Sinh lý học trẻ em					3			2		1	
40	VS trẻ em và dinh dưỡng trẻ em					3			2		1	1
41	Phòng bệnh và DB an toàn cho trẻ					3	1	1	2	1	1	1
42	Văn học trẻ em		1			1	1	1	3	2	1	1
43	Toán học cơ sở		2			3	1	1	2	2	1	1
44	Tạo hình cơ bản					3	2	1	1	2	1	1
45	Âm nhạc cơ bản					3	2	1	1	2	1	1
46	Múa cơ bản					3	2	1	2	2	1	1
47	Giao tiếp sư phạm ở trường mầm non		2			3	2	1	2	1	1	2
48	Giáo dục kỹ năng sống		2					2			1	1
49	Tổ chức hoạt động vui chơi ở trường Mầm non					2	3	1	1	1	1	1
50	Hát và đàn Organ						3	2	3	2	1	1

51	Ứng dụng tin học trong GD mầm non		1	2			3	1	2	2	1	2
52	Tâm lí học gia đình		1			2	3			2	1	1
53	Phương pháp đọc diễn cảm						3	1	2	2	3	1
54	Lí luận và phương pháp dạy múa ở trường mầm non					1	3	1	1	2	3	1
55	Lí luận và phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ em					1	3		1	2	3	2
56	Phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học						3	1	3	1	3	1
57	Lí luận và phương pháp hình thành biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ						3	1	3	2	3	2
58	Lí luận và phương pháp hướng dẫn trẻ làm quen môi trường xung quanh						3	1	3	2	3	2
59	Lí luận và phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ em						3	1	3	2	2	3
60	Lí luận và phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ						3	1	3	2	3	1

	em											
61	Lí luận và Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ em			1			3	1	2	1	2	1
62	Chương trình và quản lí Chương trình mầm non					1	3	1	2	1	1	1
63	Tổ chức các hoạt động giáo dục ở trường Mầm non		1				3	1	3	2	2	1
64	Giáo dục hòa nhập					1	3	1	2	1	2	1
65	Thực tế chuyên môn					1	3	3	3	3	3	3
66	Kể chuyện cho trẻ					2	2	1	1	2	3	1
67	Tổ chức và quản lí trường mầm non					1	3	2	2	1	3	1
68	Giáo dục môi trường ở trường MN					1	3	2	3	2	2	
69	Quản lí trong giáo dục mầm non						3		3		2	
70	Trò chơi với sự hình thành biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ mẫu giáo		1				3		2	2		
71	Ứng dụng kí họa và cách điệu trong giáo dục mầm non						3		3		2	1
72	Trò chơi dân gian					1	3		1	2	3	1

	với việc cho trẻ làm quen với môi MTXQ											
73	Vệ sinh an toàn thực phẩm					2			3	1		1
74	Nghề giáo viên mầm non						3	1	3	2	3	1
75	PP dạy trẻ làm quen với chữ viết					1			3	1	3	
76	Tổ chức thực hiện chương trình GDMN						3	1	3	2	2	1
77	PT tình cảm và kỹ năng XH cho trẻ mầm non						3	1	2	1	3	1
78	Thực hành KN SP MN 1						3		3	2	3	3
79	Thực hành KN SP MN 2						3		3	2	3	3
80	Kiến tập sư phạm						3	1	3	1	3	3
81	Thực tập sư phạm						3	1	3	1	3	3
82	Khóa luận tốt nghiệp (đủ điều kiện)						3		3	1	3	3
83	Chuyên đề tốt nghiệp (không đủ điều kiện)						3	1	3	1	3	3
84	Tổ chức hoạt động âm nhạc ở trường mầm non					1	3	1	3	1	1	2

85	Phát triển tính sáng tạo của trẻ trong hoạt động tạo hình						3	1	3	1	1	1
86	Phương pháp dạy múa cho trẻ						3		3	2	2	1
87	Phương pháp đánh giá trẻ trong đổi mới GDMN					2	3	1	1	2	2	3
88	Tư duy Toán học ở MN					3			2		1	
89	Giáo dục tích hợp ở bậc học mầm non								1	2	3	

Ghi chú: Mức độ đóng góp của các học phần với chuẩn đầu ra được mã hóa như sau:

1 = đóng góp mức thấp

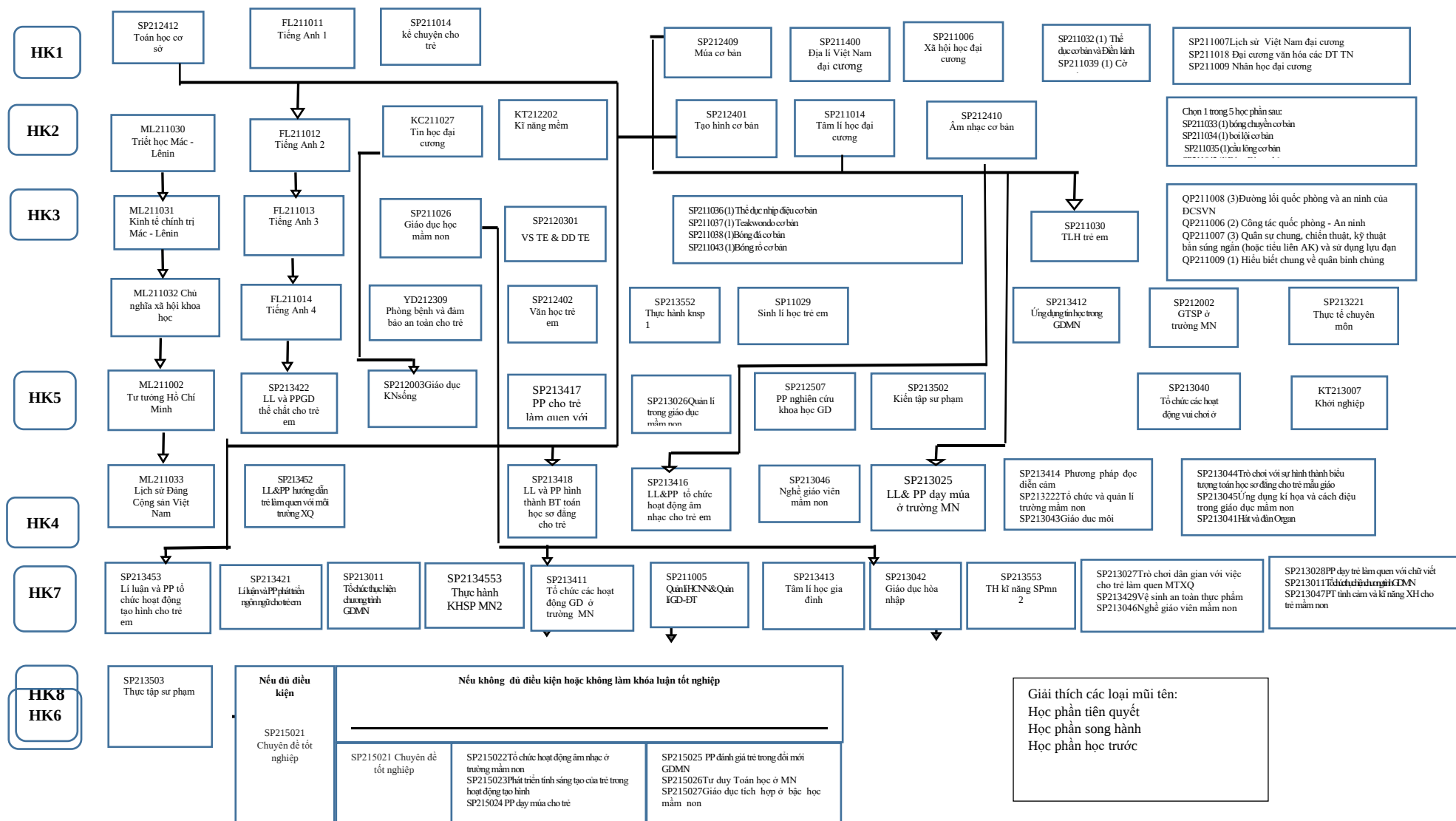
2 = đóng góp mức trung bình

3 = đóng góp mức cao

Đề trống = không đóng góp.

12. Tiến trình đào tạo

TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON TÊN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO: GIÁO DỤC MẦM NON (131 TÍN CHỈ)



13. Cơ sở vật chất

13. 1. Phòng học, thực hành và các loại thiết bị, máy móc hiện có:

TT	Tên loại	Đơn vị tính	Số lượng/ diện tích	Ghi chú
1	Phòng học lý thuyết:			
	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	phòng	1/1095	
	Phòng học từ 100 chỗ đến 200 chỗ	phòng	3/1114	
	Phòng học từ 50 chỗ đến 100 chỗ	phòng	112/6889	
	Phòng học dưới 50 chỗ	phòng	3/120	
2	Phòng máy vi tính	phòng	16/874.9	
	Số lượng máy tính	Bộ	>800	
3	Phòng học đa năng/ngoại ngữ	phòng	4/323.1	
4	Phòng học nhạc, hoạ	phòng	2/200	
5	Phòng học thực hành, thí nghiệm	phòng	88	

13. 2. Cơ sở thực hành, thực tập (Đơn vị tính: xưởng, vườn, trạm, trại, sân bãi, ...)

TT	Cơ sở thực hành, thực tập	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Nhà thực hành kỹ năng sư phạm (06 phòng)	Cơ sở	1	
2	Trường PTTH thực hành	Cơ sở	1	
3	Trường mầm non Thực hành	Cơ sở	1	
4	Khu nhà thí nghiệm khoa Nông lâm nghiệp	Cơ sở	1	
5	Khu nhà thí nghiệm D2, D3; Khu nhà thí nghiệm Khoa Y dược	Cơ sở	1	
6	Viện Công nghệ Sinh học và Môi trường	Cơ sở	1	
7	Bệnh viện Trường	Cơ sở	1	
8	Trạm xá Thú y	Cơ sở	1	
9	Trại thực nghiệm	Cơ sở	1	

13. 3. Thư viện và học liệu (giáo trình, sách, tài liệu tham khảo, phần mềm máy tính..)

+ Thư viện: 01.

+ Thống kê về học liệu (sách, tạp chí, kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) trong thư viện

TT	Khối ngành đào tạo	Số lượng
1	Khối ngành I	59.071
2	Khối ngành II	0
3	Khối ngành III	19.597
4	Khối ngành IV	4.915

TT	Khối ngành đào tạo	Số lượng
5	Khối ngành V	19.781
6	Khối ngành VI	10.819
7	Khối ngành VII	19.799
8	Các môn chung	12.137

14. Danh sách giảng viên cơ hữu

T T	Họ và tên giảng viên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Học phần giảng dạy	Đơn vị công tác
1	Bùi Thị Phương Thảo	1994	ThS	Toán học	- logic toán	Khoa sư phạm
2	Lê Tử Trường	1967	TS	Thế dục	Giáo dục thể chất	Khoa sư phạm
3	Vũ Trọng Hào	1978	ThS	Tâm lý	Tâm lý học GD Quản lý GDMN	Khoa sư phạm
4	Trần Tấn Hải	1982	ThS	Lịch sử	Lịch sử VN đại cương GD tích hợp	Khoa sư phạm
5	Trương Thị Hiền	1977	TS	Xã hội học	Xã hội học đại cương PP NC KHGD	Khoa sư phạm
6	Trần Thị Thùy Trang	1978	ThS	Địa lí	Đại lí VN ĐC PP cho trẻ làm	Khoa sư phạm

					quen MTXQ, GD môi trường	
7	Bùi Trần Tuyết Hạnh	1988	ThS	Toán học	PP hình thành BT toán sơ đẳng Tư duy toán học Trò chơi chó trẻ làm quen toán học	Khoa sư phạm
8	Trần Thị Lệ	1982	ThS	Âm nhạc	Âm nhạc cơ bản LL&PP tổ chức HD âm nhạc Hát và đàn Organ	Khoa sư phạm
9	Nguyễn Xuân Tuyến	1983	ThS	Mĩ thuật	Mĩ thuật cơ bản LL &PP TC HD tạo hình	Khoa sư phạm
10	Đinh Thị Trang	1992	ThS	Múa	Múa cơ bản LL &PPDH múa	Khoa sư phạm
11	Bùi Thị Tâm	1984	ThS	GD TH	Thủ công KT & đồ chơi tre em	Khoa sư phạm
12	Lưu Thị Dịu	1985	ThS	Ngữ văn	PP đọc diễn cảm Kể chuyện cho trẻ	Khoa sư phạm

13	Bùi Thị Phương Thảo	1992	ThS	Toán học	Toán học cơ sở	Khoa sư phạm
14	Phạm Hùng Mạnh	1980	TS	Thể dục	LL & PPGD thể chất cho trẻ mầm non	Khoa sư phạm
15	Nguyễn Thiện Tín	1983	ThS	Bóng chuyền	GDTC 2	Khoa sư phạm
16	Trần Văn Hưng	1979	ThS	Bóng đá	GDTC 3	Khoa sư phạm
17	Chu Vương Thìn	1988	ThS	Điền kinh	GDTC3	Khoa sư phạm
18	Trần Thị Thắm	1985	TS	Ngôn ngữ	LL&PPPT ngôn ngữ cho trẻ mầm non	Khoa sư phạm
19	Nguyễn Thị Hoài	1965	ThS	Tâm lý học	Tâm lí giáo dục	Khoa sư phạm
20	Vũ Thị Vân	1978	TS	Tâm lý học	Tâm lí học GD	Khoa sư phạm
21	Vũ Minh Chiến	1976	TS	Giáo dục học	Tổ chức HĐ vui chơi cho trẻ mầm non Tổ chức các HĐ GD	Khoa sư phạm
22	Lê Quang Hùng	1974	ThS	Giáo dục học	GD hòa nhập	Khoa sư phạm

23	Nguyễn Thị Ánh Mai	1985	ThS	Giáo dục	GDH mầm non Tổ chức các HĐ GD	Khoa sư phạm
24	Lê Thị Thảo Nguyên	1991	Tâm lý học	CN	Tâm lý GD GT sư phạm MN	Khoa sư phạm
25	Buôn Krông Tuyết Nhưng	1969	PGS,T S	Ngữ văn	Văn học trẻ em Đại cương VH DTTN	Khoa sư phạm
26	Thái Thị Hoài An	1975	TS	Ngữ văn	LL&PP cho trẻ làm quen TPVH	Khoa sư phạm
27	Hoàng Thị Thuý	1972	ThS	Ngữ văn	LL&PP cho trẻ làm quen TPVH	Khoa sư phạm
28	Phạm Trọng Lượng	1976	TS	Dân tộc học	Nhân học đại cương	Khoa sư phạm
29	Ngô Thị Hiếu	1979	ThS	QLGD	QL HCNN &QLGD ĐT	Khoa sư phạm
30	Trần Quỳnh Mai	1989	ThS	Toán học	Toán cơ sở	Khoa sư phạm
31	Lê Thị Thu Sa	1983	ThS	Sinh học	Vệ sinh ATTP	Khoa sư phạm
32	Nguyễn Thị Thảo	1988	ThS	Công nghệ thực phẩm	VS dinh dưỡng trẻ em	Khoa sư phạm

33	Tổng Thị Lan Chi	1979	ThS	Anh Văn	Tiếng Anh 1	Khoa ngoại ngữ
34	Hoàng Thị Xuân	1969	ThS	Anh Văn	Tiếng Anh 2	Khoa ngoại ngữ
35	Bùi Thị Tịnh	1976	ThS	Anh Văn	Tiếng Anh 3	Khoa ngoại ngữ
36	Nguyễn Thị Kim Phượng	1977	ThS	Anh Văn	Tiếng Anh 4	Khoa ngoại ngữ
37	Vũ Thị Việt Anh	1977	ThS	KT chính trị	KT chính trị	LLCT
38	Phạm Phương Anh	1984	ThS	Triết học	Triết học Mác Lê nin	LLCT
39	Nguyễn Thị Tĩnh	1976	TS	LS Đảng	Lịch sử ĐCSVN	LLCT
40	Nguyễn Khắc Trinh	1978	TS	LS Đảng	Lịch sử ĐCSVN	LLCT
41	Nguyễn Minh Hải	1979	TS	Hồ Chí Minh học	Tư tưởng Hồ Chí Minh	LLCT
42	Nguyễn Văn Sỹ		ThS	Tin học	Tin học ĐC	Khoa KH TN&CN
43	Bùi Thị Quỳnh Hoa	1980	ThS	Sinh học	Sinh lí học trẻ em	Khoa KH TN&CN
44	Nguyễn Thị Pháp	1988	BS Đa	Y học	Phòng bệnh	Khoa YD